

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Lê Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày **31/12/2007** tại Ủy ban nhân dân xã B.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên uống rượu, cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà H thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2021 đến nay.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà H và ông Đ có 02 con chung Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Hoài Như N, sinh ngày 02/3/2012. Khi ly hôn, bà H mong muốn nuôi 2 con chung. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ mà bà H giao nộp

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ: *Đã được triệu tập hợp lệ (Tòa án niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú, tại UBND xã B, tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng) nhưng vẫn vắng mặt.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn xin vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn xin ly hôn ngày 07/02/2022; bản sao chứng minh nhân dân nguyên đơn; sổ hộ khẩu nguyên đơn; **bản sao giấy** khai sinh Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Hoài Như N, sinh ngày 02/3/2012; giấy chứng nhận kết hôn của ông Đ và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc xin vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử nhưng bị đơn cố tình vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Hoài Như N, sinh ngày 02/3/2012. Bị đơn là ông Đ có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ chung sống với nhau từ năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 31/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Qua xác minh thực tế không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn. Về quan hệ hôn nhân: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác... và lý do chính đáng khác. Bị đơn ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do lần thứ 2 xem như bị đơn không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập tham gia phiên tòa. Nhưng bị đơn đều không tham gia tố tụng. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không có nguyện vọng đoàn tụ cùng nguyên đơn. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Hoài Như N, sinh ngày 02/3/2012. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Mặc khác, ý kiến các con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ là nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về con chung là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân; các Điều 9, 19, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với ông Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Hoài Như N, sinh ngày 02/3/2012.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045711 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Anh Tuấn